KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC LOÀI CÂY THỨC ĂN CỦA TÊ GIÁC MỘT SỪNG VIỆT NAM Ở VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

NGUYỄN XUÂN ĐẶNG, HÀ VĂN TUẾ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Loài thú lớn tê giác một sừng java (*Rhinoceros sondaicus*) đang đứng trước nguy cơ bị diệt vong rất cao trên toàn cầu (bậc CR- rất nguy cấp, IUCN 2003). Loài này hiện chỉ còn 2 quần thể nhỏ sống biệt lập nhau, đồng thời cũng là 2 phân loài khác nhau. Quần thể tại Vườn quốc gia (VQG) Ujung Kulon (Inđônêxia) thuộc phân loài tê giác một sừng java (*Rhinoceros sondaicus sondaicus*) với khoảng 60 cá thể và quần thể khác tại VQG Cát Tiên (Việt Nam) thuộc phân loài tê giác một sừng việt nam (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) với khoảng 7-10 cá thể [1, 5]. Do vậy, việc bảo tồn và phục hồi loài tê giác một sừng java nói chung và phân loài tê giác một sừng việt nam nói riêng đang là vấn đề cấp bách được cộng đồng các nhà bảo tồn quốc tế và Nhà nước Việt Nam hết sức quan tâm.

Tại VQG Cát Tiên, tê giác sinh sống và hoạt động tập trung ở phần phía nam của khu vực Cát Lộc thuộc địa phận huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Rừng ở đây đã bị tác động nhiều và theo đánh giá của một số chuyên gia [1], không còn là sinh cảnh phù hợp cho cho tê giác nữa. Vì vậy, chúng tôi đã phối hợp với VQG Cát Tiên tiến hành điều tra hiện trạng sinh cảnh ở khu vực Cát Lộc nhằm đánh giá khả năng cung cấp thức ăn cho tê giác. Báo cáo này nhằm giới thiệu kết quả nghiên cứu của chúng tôi về thành phần cây thức ăn của tê giác một sừng việt nam có tại khu vực Cát Lộc. Công việc nghiên cứu được tiến hành từ năm 1999 đến năm 2004 với sự tài trợ kinh phí của Dự án bảo tồn VQG Cát Tiên và Chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thu thập mẫu vật của các cây được tê giác ăn

Mẫu vật của các cây mà tê giác ăn được thu thập trong nhiều đợt điều tra từ 1999 đến 2004. Các cây được xác định là tê giác ăn dựa vào yếu tố sau. Khác với các loài thú móng guốc lớn khác có mặt trong vùng như bò tót (*Bos gaurus*), nai (*Cervus unicolor*), hoẵng (*Muntiacus muntjak*), dấu vết ăn của tê giác có những nét đặc trưng riêng có thể nhận biết được. Tê giác thường bứt gọn cả cụm lớn lá và cành non hoặc bứt ngang ngọn các cây bụi thấp, trong khi đó các loài móng guốc nói trên thường bứt cụm lá nhỏ hơn và phần non hơn. Tê giác thường dùng thân đè ngả nhiều cây cao xuống để ăn lá và ngọn nên nơi tê giác ăn thường thấy các cây cao bị đè gãy hoặc đổ nghiêng. Quanh cây có dấu vết tê giác ăn thường có các dấu chân của tê giác, các vết do tê giác cọ mình vào thân cây, đôi khi còn gặp cả phân của tê giác. Ngoài ra, hỗ trợ cho việc xác định cây mà tê giác ăn, còn có kinh nghiệm quan sát lâu năm của một số người dân địa phương thuộc dân tộc thiểu số S'tiêng được mời tham gia đoàn điều tra.

Các cây sau khi xác định có dấu vết tê giác ăn được sơ bộ định loại trên hiện trường, chụp ảnh và thu mẫu làm tiêu bản để phân tích giám định lại tại phòng thí nghiệm. Công việc giám định tên khoa học trên hiện trường cũng như qua các mẫu vật chủ yếu do TS. Hà Văn Tuế và một số chuyên gia thực vật khác của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thực hiện. Tài liệu được sử dụng chủ yếu là "Cây cỏ Việt Nam" của Phạm Hoàng Hộ (1993), ngoài ra có tham khảo một số tài liệu khác của Nguyễn Tiến Bân (1997), Võ Văn Chi (1977), Trần Đình Lý và cs. (1993), Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (1977-1989). Các ảnh chụp cây tê giác ăn và các tiêu bản thực vật được lưu giữ tại VQG Cát Tiên phục vụ các hoạt động bảo tồn và nghiên cứu của vườn.

2. Phân tích phân của tê giác

Phân của tê giác rất dễ nhận biết do có kích thước và khối lượng lớn hơn nhiều so với phân của các loài thú móng guốc khác sống cùng sinh cảnh. Ngoài ra, do cấu trúc đặc thù của hàm nên khi nhai thường cắt các cành non thành từng đoạn đều nhau dài khoảng 2 cm, các đoạn cành này được thải ra cùng với phân.

Khi gặp các bãi phân của tê giác còn mới, dùng gậy đập tơi phân để thu thập các bộ phận của cây chứa trong phân như vụn lá, đoạn cành, gai, hạt, vỏ, quả. Đồng thời thu lượm khoảng 0,3-0,5 kg phân mang về lán trại, dùng rá lỗ nhỏ và nước lọc rửa để tiếp tục thu thập các bộ phận nhỏ hơn của cây chứa trong phân. Các bộ phận của cây thu được đem rửa sạch và dùng kính lúp để xác định loài cây mà tê giác đã ăn. Phương pháp này cho kết quả hạn chế do rất khó xác định đến loài thông qua các mẫu nhỏ các bộ phận của cây chứa trong phân, trừ một số loài cây phổ biến trong vùng.

3. Xác định mức độ sử dụng cây thức ăn

Việc xác định mức độ sử dụng hay mức độ ưa thích của tê giác đối với từng loài cây thức ăn có ý nghĩa quan trọng cho việc lựa chọn các biện pháp tác động thích hợp điều tiết nguồn thức ăn cho tê giác trong vùng. Tuy nhiên, đây là việc làm khó, đòi hỏi có những nghiên cứu chuyên sâu với những bước thử nghiệm phức tạp. Do vậy, bước đầu chúng tôi tạm xác định mức độ sử dụng từng loại cây thức ăn theo ba cấp sau:

- Rất thích ăn: gồm những loài cây có tần suất gặp dấu vết tê giác ăn nhiều, ăn với khối lượng lớn (vặt trụi lá, cành non; cây cao bị đè xuống và ăn nhiều).

- Thích ăn: gồm những loài có tần suất gặp dấu vết tê giác ăn khá cao, nhưng ăn với khối lượng không nhiều.

- Ít ăn: gồm những loài khá phổ biến trong vùng hoạt động của tê giác, nhưng tần suất gặp dấu vết ăn thấp.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần các loài cây được tê giác ăn

Qua những mẫu vật thu thập từ các cây có dấu vết tê giác ăn, chúng tôi đã xác định được danh lục cây thức ăn của tê giác gồm 68 loài thuộc 30 họ. Trong đó, họ Dâu tằm (Moraceae) có 7 loài, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)-7 loài; các họ Bứa (Clusiaceae), Cà phê (Rubiaceae), họ Đậu (Fabaceae) mỗi họ có 4-5 loài; các họ còn lại chỉ có 1-2 loài. Trong số 68 loài tê giác ăn, chỉ có 3 loài thân thảo (1 loài thài lài và 2 loài riềng) còn lại là cây gỗ, cây bụi hoặc bụi trườn. Như vậy, tê giác thuộc loài thú ăn cành là chứ không phải chủ yếu ăn cỏ như các loài hươu, nai hoặc bò tót. Sự lệch pha phổ thức ăn này giúp giảm bớt sự căng thẳng về cạnh tranh thức ăn giữa tê giác và các loài móng guốc lớn có trong vùng.

Kết quả phân tích 13 bãi phân còn mới cho thấy các bãi phân tê giác khá lớn, trọng lượng trung bình của mỗi bãi dao động từ 3-4 kg. Phân tê giác không kết thành bó dài chắc như phân voi mà thành một đống lớn mềm và mịn hơn. Thành phần chủ yếu là các bã vụn lá cây và cành non cây thân gỗ có đường kính 2-3 mm, được cắt vụn thành từng đoạn dài 1,5-2,0 cm. Việc nhận dạng các loài cây tê giác ăn qua các mảnh vụn trong phân là rất khó, chúng tôi chỉ nhận diện được các mảnh vụn của rau bép (*Gnetum gnemon* L.), bồng bồng (*Draceana angustifolia* Roxb.), mây song (*Calamus rudentum* Lour), bứa (*Garcinia* sp.), điều (*Anacardium occidentale* L.) và chiếc khế (*Barringfonia acutangula* Gaertn.).

Công trình nghiên cứu của Hoogerwerf (1970) ở VQG Ujung Kulon (Inđônêxia) cho thấy tê giác một sừng java sử dụng 70 loài cây khác nhau làm thức ăn. Tác giả cũng ghi nhận rằng tê giác không thích ăn các loài cỏ và cây thân thảo thấp, các loài tre, các loài dây leo và các loài thuộc họ Gừng (Zingiberaceae) nhưng có thể ăn cả các loài cây có nhiều gai như song mây (*Calamus* sp.), cọ (Palmae) và một số cây có độc tố nguy hiểm cho người như *Laportea stimulans*. So sánh danh lục cây thức ăn của tê giác một sừng java và tê giác một sừng việt nam cho thấy có nhiều chi giống nhau nhưng thành phần loài rất khác nhau, có lẽ do hệ thực vật ở VQG Ujung Kulon khác với hệ thực vật ở VQG Cát Tiên. Tuy nhiên, có một số loài như chuối rừng (*Musa* sp.), đu đủ (*Carica papaya*), xoài (*Mangifera caesia*),...có cả ở VQG Cát Tiên nhưng chúng tôi chưa gặp dấu vết mà tê giác một sừng việt nam ăn những cây này.

Bảng

Danh lục cây thức ăn của tê giác một sừng việt nam

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ ưa thích
1	Dé mốc	*Breynia glauca* Craib	+++
2	Còng nước	*Calophyllum dongnaiense* Pierre	+++
3	Xăng mả trâm	*Carallia eugenioides* King	+++
4	Bồng bồng	*Dracaena angustifolia* Roxb.	+++
5	Dấu dầu, ba gạc lá xoan	*Euodia sutchuenensis* Dode	+++
6	Ngái	*Ficus hispida* L. f.	+++
7	Rau bép, nhíp	*Gnetum gnemon* L.	+++
8	Bứa delpye	*Garcinia delpyana* Pierre	+++
9	Đằng hoàng, vàng nghệ	*Garcinia hanburyi* Hook. f.	+++
10	Bứa poilane	*Garcinia poilanei* Gagnep.	+++
11	Bứa scheffer, roi	*Garcinia schefferi* Pierre	+++
12	Kơ nia, cầy	*Irvingia malayana* Oliv. ex A. Benn.	+++
13	Vải guốc, trường	*Xerospermun noronhianum* (Blume) Blume	+++
14	Ươi, lười ươi	*Scaphium macropodum* (Mig.) Beumée ex Heyne	+++
15	Chòi mòi nhọn	*Antidesma bunius* (L.) Spreng.	++
16	Chòi mòi sóng	*Antidesma costulatum* Pax & Hoffm.	++
17	Lá khôi	*Ardisia silvestris* Pitard	++
18	Tườm tê (S'tiêng)	*Allophyllus leviscens* Gagnep.	++
19	Riềng tàu, riềng dại	*Alpinia chinensis* (Retz.) Rosc.	++
20	Quỳnh táu	*Combretum latifolium* Blume	++
21	Cù đèn	*Croton thorellii* Gagnep.	++
22	Pèng eng (S'tiêng)	*Canthium rheedii* DC	++
23	Ngọc nữ vòm	*Clerodendrum pitasites (Lour.) Moore*.	++
24	Trắc nhung	*Dalbergia velutina* Benth.	++
25	Phất dụ bầu dục	*Dracaena elliptica* Thunb.	++
26	Rau bò khai, hồng trục	*Erythropalum scandens* Blume	++
27	Tiểu đậu 3 thuỳ	*Elettariopsis triloba* (Gagnep.) Loes.	++
28	Ngái lông, ngái vàng	*Ficus fulva* Reinw. ex Blume	++
29	Sung lá hẹp	*Ficus stenophylla* Hemsl.	++
30	Sung cụt	*Ficus subincisa* Smith	++
31	Sung nang, sung lá gợn	*Ficus vasculosa* Wall. ex Miq.	++
32	Cò ke	*Grewia asiatica* L.	++
33	Sóc cứng	*Glochidion rigidum* Muell.- Arg.	++
34	Cui mùa thu	*Heritiera cordata* Kosterm.	++
35	Xú hương	*Lasianthus lecomtei* Pitard	++
36	Bùm bụp phấn nâu	*Mallotus sp*.	++
37	Bướm bạc biên hoà	*Mussaenda hoaensis* Pierr. ex Pitard	++
38	Ổ bì	*Opilia amentacea* Roxb.	++
39	Quýt rừng	*Paramignya griffithii* Hook. f.	++
40	Cách lá rộng	*Premna latifolia* Roxb.	++
41	Hà thủ ô nam	*Streptocaulon juventas* (Lour.) Merr.	++
42	Dây trứng cuốc	*Stixis scandens* Lour.	++

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Mức độ ưa thích
43	Mạy tèo	*Streblus macrophyllus* Blume	++
44	Trâm	*Syzygium sp.*	++
45	Sảng	*Sterculia lanceolata* Cav.	++
46	Lài trâu	*Tabernaemontana pauciflora* Blume	++
47	Hu đay, hu đen	*Trema orientalis* (L.) Blume	++
48	Giền đỏ	*Xylopia vielana* Pierre	++
49	Lòng mức lông	*Wrightia pubescens* R.Br.	++
50	Lòng mức nhuộm	*Wrightia tinctoria* R.Br.	++
51	Gạc hươu trơn	*Wendlandia glabrata* Đỗ CAO	++
52	Mán đỉa trâu, cộ ôm	*Archidendron lucidum* (Benth.) I. Nielsen	+
53	Lâm trai nhẵn	*Amischolotype mollissima* (Bl.) Hassk.	+
54	Điều (đào lộn hột)	*Anacardium occidentale* L.	+
55	Chiếc khế	*Barringtonia acutangula* (L.) Gaertn.	+
56	Cánh dơi	*Bauhinia bracteata* (Benth.) Baker	+
57	Bi điền xoan	*Bridelia ovata* Decne.	+
58	Mây cam bốt	*Calamus cambodjensis* Becc.	+
59	Mây đá	*Calamus rudentum* Lour.	+
60	Chành ràng	*Dodonea viscosa* (L.) Jacq.	+
61	Cò ke	*Grewia asiatica* L.	+
62	Máu chó	*Knema lenta* Warb.	+
63	Ràng ràng trái lông	*Ormosia dasycarpa* Jacks.	+
64	Lòng mang lá nhỏ	*Pterospermum grewiaefolium* Pierre	+
65	Mơ leo	*Paederia scandens* (Lour.) Merr.	+
66	Sắn dây rừng	*Pueraria montana* (Lour.) Merr.	+
67	Ruối quýt gai, ô rô trơn	*Streblus taxoides* (Heyne) Kurz	+
68	Đẻn dài, đẻn 3 lá	*Vitex pierreana* P. Dop.	+

Ghi chú: (+): ít ăn; (++): thích ăn; (+++): rất thích ăn.

2. Tập tính ăn của tê giác

Tê giác chủ yếu chọn ăn lá, thân và cành non. Mới gặp chúng ăn quả của một vài loài cây như chiếc khế (*Barringtonia acutangula*), ngái lông (*Fiscus fulva*), ngái (*Fiscus hispida*), mây song (*Calamus rudentum*) và mây cambốt (*Calamus cambodjensis*). Tầm với của tê giác thường không quá 3m. Với những cây cao, chúng dùng thân đè đổ xuống để bứt cành, lá ăn. Môi trên của tê giác có một mấu thịt dài rất linh hoạt như ngón tay, giúp chúng túm chặt cành lá cho vào mồm để bứt. Tê giác ăn cả những lá bánh tẻ và các cành non có đường kính tới 0,5cm.

Tê giác có tính chọn lọc cây thức ăn khá cao. Giữa tầng cây bụi rậm rạp với rất nhiều loài mọc xem lẫn nhau nhưng chúng chỉ lựa ăn cành lá của một số ít loài. Một số cây cao tới 4-5 m vượt tầm với của tê giác như ngót dại, bứa,... nhưng vì là cây thức ăn chúng ưa thích nên chúng dùng thân đè cho cây đổ xuống để ăn. Mức độ ưa thích của tê giác đối với các loài cây chúng sử dụng làm thức ăn có khác nhau. Dựa vào quan sát trực tiếp tần suất sử dụng và khối lượng cành lá bứt ăn ở mỗi cây của từng loài, chúng tôi tạm chia các loài cây tê giác ăn thành 3 nhóm: rất thích ăn, thích ăn và ít ăn (xem bảng). Kết quả là trong số 68 loài cây thức ăn ghi nhận được, có 14 loài tê giác rất thích ăn, 37 loài thích ăn và 17 loài ít ăn. Các loài cây mà tê giác rất thích ăn là những loài cây thân gỗ dạng cây bụi hoặc cây gỗ lớn. Đây là những loài cây cần chú ý bảo vệ và phát triển để tạo nguồn thức ăn thích hợp cho tê giác. Ở đây, cũng cần lưu ý rằng, rau bép là loại rau rừng đang được người dân thiểu số địa phương (Stiêng và Châu Mạ) rất ưa thích và thường xuyên khai thác phục vụ nhu

cầu thức ăn hàng ngày của họ. Cây ươi trước đây khá phổ biến trong khu vực Cát Lộc nhưng trong những năm gần đây do nhu cầu thị trường về quả ươi rất cao nên người dân thường đốn hạ cây để thu hái quả nên đã bị suy giảm nhiều.

3. Khả năng cung cấp thức ăn của sinh cảnh vùng tê giác hoạt động

Trong những năm tới, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu chi tiết hơn về trữ lượng và khả năng cung cấp thức ăn của từng dạng sinh cảnh cũng như sự cạnh tranh thức ăn giữa tê giác và một số loài thú móng guốc lớn trong khu vực. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một số ghi nhận ban đầu về vấn đề này. Theo kết quả điều tra của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lâm Đồng (1999), trong khu vực Cát Lộc có 4 kiểu thảm thực vật tự nhiên là:

- Rừng thường xanh cây lá rộng thứ sinh hay ít bị tác động, chiếm khoảng 13,5% diện tích khu vực Cát Lộc, tập trung ở phía bắc khu bảo tồn, nơi hiện nay tê giác không đến hoạt động được do có các cụm dân cư án ngữ đường tiếp cận của chúng tới khu vực này.

- Rừng thường xanh cây lá rộng mọc hỗn giao với cây tre nứa, chiếm khoảng 23,5% diện tích.

- Rừng tre nứa nhiệt đới thứ sinh, chiếm khoảng 40,5% diện tích.

- Trảng lô ô thấp xen cây bụi, chiếm khoảng 7,7% diện tích.

Bảng danh lục các loài cây tê giác ăn nêu ở trên cho thấy hầu hết các loài cây mà tê giác ăn đều tập trung ở các kiểu thảm rừng thường xanh cây lá rộng, trong khi đó kiểu thảm phổ biến ở Cát Lộc là rừng tre nứa nhiệt đới thứ sinh và trảng lồ ô thấp xen cây bụi. Đây là những kiểu thảm có nguồn thức ăn rất hạn chế cho tê giác. Hơn nữa, nhiều loài cây tê giác ăn là những loài cây gỗ lớn, cao tới 15-20 m như kơ nia,trường, ươi, bứa,... vượt quá tầm với của tê giác. Do vậy, chúng chỉ có thể khai thác được thức ăn từ các cây tái sinh còn thấp của các loài này. Ở các kiểu thảm rừng tre nứa và trảng lồ ô, tỷ lệ cây tái sinh của các loài cây gỗ cao này rất thấp. Như vậy, rõ ràng sinh cảnh ở khu vực tê giác hoạt động hiện nay không phải là sinh cảnh thích hợp cho sự tồn tài và phát triển lâu dài của quần thể tê giác một sừng việt nam. Có thể hiện nay do số lượng tê giác còn rất ít (7-10 cá thể) nên sinh cảnh này còn có khả năng cung cấp đủ thức ăn cho tê giác. Trong tương lai, nếu số lượng tê giác được tăng lên thì sinh cảnh này không thể đáp ứng nhu cầu thức ăn cho chúng. Cần có những nghiên cứu kỹ hơn mới có thể khẳng định được điều này.

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết quả nghiên cứu bước đầu đã ghi nhận được 68 loài cây mà tê giác ăn, trong đó có 14 loài tê giác rất thích ăn, 37 loài thích ăn và 17 loài ít ăn. Tê giác chủ yếu ăn cành và lá của các loài cây thân gỗ và cây bụi, rất ít khi ăn quả, hạt của chúng và rất ít ăn các loài cây thân thảo.

Sinh cảnh của khu vực tê giác hoạt động hiện nay chủ yếu là rừng tre nứa thứ sinh và trảng lồ ô cây bụi nên có nguồn thức ăn hạn chế cho tê giác. Để đảm bảo đủ nguồn thức ăn cho quần thể tê giác ở khu vực Cát Lộc tồn tại và phát triển lâu dài, cần có các biện pháp bảo vệ và làm giàu nguồn thức ăn cho tê giác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cao Van Sung et al.**, 1998: A report on the results of training and field survey of Javan rhiniceros in Cat Loc Nature Reserve (South Vietnam), April-May 1998. Báo cáo kỹ thuật, Hà Nội, 75 tr.
2. **Hoogerwerf A.**, 1970: Ujung Kulon-The land of the last Javan Rhinoceros: 47-153. Leiden.
3. **IUCN**, 2003: 2003 IUCN Red List of Threatened Species.
4. **Nguyễn Tiến Bân**, 1997: Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín (*Magnoliophyta, Angiospermae*) ở Việt Nam. 532 tr. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Nguyễn Xuân Đặng, Phạm Hữu Khánh**, 1999: Kết quả điều tra tê giác (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) ở VQG Cát Tiên. Báo cáo kỹ thuật Dự án bảo tồn VQG Cát Tiên. 36 tr.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 1993: Cây cỏ Việt Nam, tập 1-3. Montreal.
7. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt

Nam, 1458 tr.. Nxb. Y học, Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

8. **Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và Viện Sinh học nhiệt đới**, 1999: Báo cáo kết quả điều tra đa dạng sinh học Khu BTTN Cát Lộc. Báo cáo kỹ thuật.

9. **Viện Điều tra Quy hoạch Rừng**, 1977-1989: Cây gỗ rừng Việt Nam, tập 1-7. Hà Nội.

STUDY OF VIETNAMESE RHINOCEROS (*RHINOCEROS SONDAICUS ANNAMITICUS*) FOOD PLANTS IN THE CATTIEN NATIONAL PARK, VIETNAM

NGUYEN XUAN DANG, HA VAN TUE

SUMMARY

The study of vietnamese rhinoceros (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) food plants was conducted in Catloc sector of the Cattien national park, where the last population of this sub-species survived. The study was based on the analysis of 13 fresh rhino dung piles and specimens collected from plants eaten by the rhinos during 1999 to 2004. 68 rhino food plant species were identified; most of them are wood trees and bushes, except 3 herb species. 14 species are 'very favorite", 37 species are "favorite" and 17 species are "accidental" rhino food plants. The forests in Catloc are mainly mixed bamboo-wood forests and regenerating small bamboo forests that contain low density of rhino food plants. These rhino food plants are affected by the human harvest, the destruction and the forage of other great ungulates (gaur, sambar deer, barking deer etc.) in the area.

Ngày nhận bài: 20-4-2004